

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 394/2017/HS-PT

Ngày 26 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Trần Thị Huyền Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 238/2017/HSPT ngày 18 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Châu Minh N phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản” do có kháng cáo của bị cáo Châu Minh N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HS-ST ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị cáo có kháng cáo:

Châu Minh N, sinh năm 1996 tại V; hộ khẩu thường trú: Ấp 6A, xã M, huyện T, tỉnh V; chỗ ở: 78B, đường 15, phường P, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Châu Văn Đ và bà Lê Thị L; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất, bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 26/10/2016 (có mặt).

Người bào chữa: Ông Đoàn Trọng N, Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa theo yêu cầu của Tòa án (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Phạm Thúy N1, sinh năm 1968.

2. Anh Bùi Phạm Đức T, sinh năm 1999.

(Đều đã chết trong vụ án)

Đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Bùi Xuân T2, sinh năm 1963 (là chồng, cha của bị hại); hộ khẩu thường trú: Thôn T T, xã Q T, huyện C, tỉnh B-V (không có kháng cáo, liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Bản án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, Châu Minh N tham gia thi công sân bóng đá nhân tạo cho gia đình ông Bùi Xuân T2, trú tại Thôn T T, xã Q T, huyện C, tỉnh B- V. Do hay đến nhà ông T2 chơi nên N nghĩ gia đình ông T2 có điều kiện về kinh tế.

Ngày 24/9/2016, N có vay của anh Đặng Đình P số tiền 20.000.000 đồng. N đã đưa số tiền này cho anh Nguyễn Duy Q vay lại. Anh Q cam kết trong thời hạn 10 ngày sẽ trả lại cho N nhưng sau đó không thực hiện đúng cam kết nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nhà ông T2 để trả tiền nợ cho anh P.

Ngày 20/10/2016, N mang theo túi xách đựng đồ cá nhân đi xe khách từ Thành phố Hồ Chí Minh đến huyện C rồi đi xe ôm đến nhà ông T2 nhưng không gặp ai nên N đến phòng trọ K tại xã BC, huyện C thuê phòng nghỉ lại. N điện thoại nói dối với ông T2 là đang làm công trình tại huyện C và rủ ông T2 đi uống nước. Do bận công việc nên ông T2 hẹn gặp N vào ngày hôm sau.

Sáng 21/10/2016, ông T2 gặp N tại quán cà phê S ở xã Q T. Tại đây, ông T2 kể cho N biết gia đình ông có thu nhập cao là nhờ nuôi chim Yến lấy tổ bán nên N càng củng cố ý định trộm cắp tài sản của gia đình ông T2.

Trưa ngày 22/10/2016, N đến nhà ông T2 chơi. Do trước đó nghe ông T2 nói tại khu vực nuôi chim Yến có gắn camera nên N đi quan sát vị trí, đặc điểm căn nhà ông T2 để chuẩn bị cho việc trộm cắp tài sản nhưng không thấy camera. Sau đó, ông T2 rủ N đi nhậu đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì nghỉ và đưa xe mô tô cho N mượn để về phòng trọ.

Sáng ngày 23/10/2016, N đến quán cà phê S trả xe mô tô cho ông T2 và nói dối với ông T2 là phải đi làm công trình ở tỉnh Bình Định. N được ông T2 chở về phòng trọ K. N nghỉ ở nhà trọ đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì ra tiệm internet gần đó chơi đến khoảng 17 giờ thì nghỉ. Trên đường đi từ tiệm internet về nhà trọ, N nhặt được 01 túi nilon màu đen nằm ở bên lề đường, mở ra thấy bên trong có 19 (mười chín) viên đạn nên mang về nhà nghỉ cất vào túi xách.

Sáng ngày 24/10/2016, do không có tiền để trả tiền thuê phòng trọ nên N gọi điện hỏi mượn anh Huỳnh Văn Diệu T3 số tiền 1.000.000 đồng và anh Đặng Đình P số tiền 500.000 đồng. N nói dối là đang ở Bình Định, không có tiền về xe nên nhờ anh T3, anh P chuyển tiền gấp vào tài khoản số 19030276058018 của N tại ngân hàng Techcombank chi nhánh Đỗ Xuân Hợp, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Tưởng N nói thật nên anh T3 nhờ người chuyển vào tài khoản ngân hàng của N số tiền 1.000.000 đồng, anh P cũng chuyển cho N số tiền 500.000 đồng.

Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, N ra ngân hàng rút số tiền 1.400.000 đồng rồi quay về phòng trọ K trả tiền thuê phòng hết 800.000 đồng. Sau đó, N thuê xe ôm chở đến nhà ông T2 để trộm cắp tài sản.

Khi đến nhà ông T2, N đi vào theo lối cổng phụ mở sẵn đến cửa hông bên phải thì gọi “Chú T2 ơi, có nhà không? Cô N1 ơi có nhà không?” nhưng không ai trả lời. N để túi xách ngay bờ tường ở lối đi bên hông rồi đi theo cửa hông phải vào bếp vừa đi vừa gọi nhưng cũng không có ai trả lời. N ngồi ở ghế băng dài bằng gỗ trong phòng bếp đợi khoảng 5 -10 phút nhưng không thấy ai. N tiếp tục đi từ phòng bếp ra phía sau nhà để kiểm tra cũng không thấy ai. N nhặt 01 ống tuýp sắt tròn có kích thước dài 65 cm, đường kính 3,2 cm, dày 0,2 cm nằm dưới nền sân với mục đích nếu bị phát hiện sẽ dùng để đánh trả. N đi vào bếp, vào phòng ở sát bếp nhìn vào thấy có một vài đồ linh tinh nên biết đây là kho để đồ. N đi đến phòng ngủ sát kho và phòng khách mở tủ gỗ đựng quần áo, mở ngăn kéo bàn tìm kiếm tài sản nhưng không thấy gì.

Nghe tiếng chân người đi từ trên lầu xuống bằng lối cầu thang ở phòng khách nên Châu Minh N cầm ống tuýp sắt đứng nấp sau cánh cửa khép hờ bên trong phòng ngủ. Nhìn qua khe cửa, thấy anh Bùi Phạm Đức T (con trai ông T2) đang cởi trần, mặc quần dài đi ngang qua cửa phòng nơi N đang đứng để xuống nhà bếp, N liền mở cửa đi theo phía sau anh T, tay phải cầm ống tuýp sắt đập mạnh từ trên xuống 01 cái trúng vào vùng cổ - đầu phía sau anh T. Anh T bị đánh la lớn “a..” rồi ngã ngối xuống nền nhà quay đầu qua trái nhìn lại thấy N và la lớn “Anh ơi, làm gì vậy?”. N tiếp tục dùng ống tuýp đập liên tiếp khoảng 3 - 4 cái theo hướng từ trên xuống, vào phía sau đầu, vai của anh T. Anh T bị đánh, ngã về phía trước, nằm nghiêng qua phải, đưa hai tay lên che đầu và co người lại để chống đỡ. Thấy trên đầu anh T chảy máu, người nằm yên không la nữa thì N cầm hai chân kéo anh T vào phòng kho ở gần đó. N để anh T nằm ngửa theo hướng đầu sát cửa, vuông góc với cửa nhà kho thì anh T lại la “a... đau...” và nghiêng người qua bên phải. N đi ra lấy ống tuýp sắt cầm trên tay phải tiếp tục đánh 03 cái từ trên xuống vào phía sau vùng đầu anh T. Thấy tay, chân anh T vẫn còn cử động, N dùng hai sợi dây điện loại dây đôi, có vỏ bằng nhựa, lõi bằng đồng gồm nhiều sợi nhỏ (một sợi màu vàng có ổ cắm nối dài 5,6 m, một sợi màu xanh dài 10 m) trong phòng kho buộc chéo hai tay anh T về phía trước, buộc hai chân của anh T sau đó buộc cả chân và tay của anh T lại. N dùng khăn chùi chân ở cửa hông bên phải nhà và cây lau nhà để lau sạch vết máu của anh T ở khu vực lối đi. N đóng cửa phòng kho lại rồi đi ra lấy túi xách của N mang vào phòng bếp. N cởi áo thun của mình bị dính máu ra, lấy chiếc áo sơ mi màu đen tay dài trong túi xách mặc vào rồi cầm ống tuýp sắt đi theo cầu thang bằng inox ở nhà bếp để lên lầu 1.

N đi vào phòng ngủ đầu tiên phía sau cạnh lối đi thấy không có gì nên đóng cửa đi ra. N vào phòng ngủ kế bên mở đèn, bỏ ống tuýp lên giường, mở tủ quần áo bằng gỗ nằm sát cửa ra vào kiểm tra tài sản nhưng cũng không thấy gì mà thấy chiếc két sắt có hai lỗ khóa. N lục tủ trang điểm trong phòng tìm được 01 chìa khóa màu đồng hơi đen đút vào cả hai lỗ khóa vặn mở két nhưng không mở được. N tiếp tục lục tìm trong tủ trang điểm thì tìm được thêm 01 chiếc chìa khóa màu

đồng ngả vàng. N dứt cả 02 chìa khóa vào các lỗ khóa có màu tương ứng để mở khóa khoảng hơn 30 phút nhưng chưa mở được. Lúc này, N nghe tiếng bà Phạm Thúy N1 (vợ ông T2) gọi “T ơi..” ở dưới bếp vọng lên rồi nghe tiếng bước chân ở cầu thang inox nên N biết bà N1 đang đi lên lầu 1 bằng cầu thang inox ở phòng bếp. N cầm ống tuýp sắt đứng nấp sau cánh cửa khép hờ bên trong phòng nhìn qua khe cửa. Khi bà N1 đi ngang qua thì N mở cửa phòng đi theo sau bà N1 rồi tay phải cầm ống tuýp sắt đập mạnh 01 cái từ trên xuống vào sau gáy của bà N1. Bà N1 kêu “a...đau” và ngã khum người về phía trước rồi chống tay gượng người đứng dậy thì bị N tiếp tục cầm ống tuýp sắt đập liên tiếp 02 cái từ trên xuống vào vùng cổ, đầu của bà N1 làm bà N1 ngã úp mặt xuống, văng điện thoại ra sàn nhà. N xông đến đứng hai chân bên vai trái của bà N1, cúi xuống dùng hai tay bóp cổ bà N1 khoảng 05 phút. Thấy bà N1 không cử động, N cầm hai chân của bà N1 kéo vào phòng ngủ đặt bà N1 nằm ngửa trên giường. N quay ra lấy chiếc điện thoại hiệu Oppo Neo 7 màu trắng của bà N1 bỏ vào túi trước bên phải quần Jean và cầm ống tuýp sắt quay lại phòng nơi có két sắt, tiếp tục dùng chìa khóa mở két. N dùng 02 chìa khóa mở két sắt khoảng 15 phút thì nghe tiếng bà N1 thở hổn hển. Nghĩ bà N1 vẫn còn sống nên N lấy 01 cái ruột gối màu nâu kích thước dài 60 cm, rộng 38 cm, cao 10 cm, trên ruột gối có ghi chữ Kymdan 100% Natural Latex qua phòng nơi bà N1 nằm. N quỳ đầu gối ở ngang hai bên vai bà N1, dùng hai tay đè mạnh ruột gối vào mặt bà N1 khoảng 05 phút nhưng vẫn còn nghe tiếng bà N1 thở. N tiếp tục lấy 03 sợi dây điện loại dùng để sạc điện thoại ở trong phòng tròng vào cổ bà N1 từ sau ra trước, quỳ gối ngang vai bà N1 xiết mạnh khoảng 05 phút cho đến khi bà N1 không nhúc nhích, bụng không còn thoi thóp. Nghĩ bà N1 đã chết, N dùng tay tháo nhẫn kim loại màu vàng, có hạt màu hổ phách bà N1 đang đeo trên tay phải bỏ vào túi sau bên trái quần Jean rồi tháo 03 sợi dây sạc điện thoại vút lên bàn trang điểm trong phòng. N đi qua phòng có két sắt giấu vỏ gối xuống dưới giường và tiếp tục mở két sắt khoảng 15 phút sau thì mở được nhưng trong két không có tài sản gì.

N quay lại phòng nơi bà N1 đang nằm lục tìm trong túi quần bà N1 thấy có số tiền 160.000 đồng. Phát hiện bà N1 có đôi vòng đeo tai bằng kim loại màu vàng, N tháo đôi vòng tai và lấy tiền bỏ vào túi sau bên trái quần Jean. Sau đó, N lấy chăn trong phòng nơi bà N1 nằm trùm lên ngang cổ bà N1 rồi bật quạt ở cuối giường làm như bà N1 đang ngủ rồi tiếp tục lục soát tủ trong phòng ngủ nơi bà N1 nằm tìm kiếm tài sản nhưng không có tài sản gì.

Xong xuôi, N khóa trái cửa phòng bà N1 đang nằm rồi đi theo lối cầu thang inox xuống bếp ở tầng trệt. Nhớ đến số tổ yến trong chuồng nuôi chim Yến ở tầng trên cùng nhà ông T2 nên N vào trong phòng ngủ sát phòng khách tìm lấy 01 chiếc ba lô màu xám đen bằng vải kích thước khoảng 30 cm x 45 cm dùng để đựng tổ yến rồi lấy 01 chiếc chăn mang theo. N mở cửa nhà kho nơi trói anh T, dùng chăn trùm kín lên người anh T để tránh bị phát hiện rồi đóng cửa phòng kho lại. Do sợ camera ở chuồng nuôi chim ghi hình bị gia đình ông T2 phát hiện nên N thay áo sơ mi màu đen bằng áo sơ mi tay dài màu trắng trong túi xách, lấy chiếc áo thun màu đỏ trong sọt đựng đồ nhà ông T2 buộc che ngang mặt, lấy 02 chiếc áo mưa (loại áo nilon mỏng) để ở kệ dép bên phải cửa hông phòng bếp mặc

vào, đội mũ vải màu trắng - hồng để ở kệ dép, đeo theo ba lô, cầm theo con dao của N cất trong túi xách. N đi ra phòng khách tắt cầu dao tổng ngắt điện toàn bộ căn nhà rồi đi theo cầu thang ở phòng khách lên lầu 1, quay lại phòng ngủ có két sắt lấy ống tuýp sắt đã để lại trước đó đi ra hành lang phía sau nhà ông T2. N lấy thang sắt leo lên cửa chuồng nuôi chim yến ở tầng trên cùng, dùng ống tuýp sắt đập bung ổ khóa ở cửa chuồng nuôi chim Yến. N vào trong chuồng dùng dao cạy được một số tổ chim Yến bỏ vào ba lô rồi leo xuống lầu 1, cởi hai chiếc áo mưa vứt xuống sân phía sau nhà ông T2 rồi đi theo cầu thang sắt xuống dưới phòng bếp. N lấy 01 chai rượu màu đen, hiệu ST-RéMy VSOP trong tủ rượu phòng bếp, lấy số tổ yến từ trong ba lô bỏ vào túi xách rồi cởi bỏ nón vải, áo thun đồ che mặt và ba lô ra, mặc chiếc áo khoác để trên ghế ở phòng bếp rồi mở lại cầu dao điện trong nhà ông T2.

N tiếp tục lấy xe mô tô của ông T2 (xe màu đỏ - đen, biển số 72F1-281.06, số khung RLCS5C63CY661280, số máy 5C63661326) và chìa khóa để ở tủ rượu, đội nón bảo hiểm để sẵn trên xe, để ống tuýp sắt và túi xách của N ở góc ba ga xe rồi chạy xe ra khỏi nhà ông T2.

N rẽ trái chạy cách cổng nhà ông T2 khoảng 250 m thì vứt ống tuýp sắt vào vườn tiêu của ông Nguyễn Văn T3 gần nhà ông T2. N tiếp tục chạy xe đến đoạn xã B C, huyện C thì dừng xe, tháo sim và thẻ nhớ điện thoại của bà N1 vứt xuống ven đường rồi chạy ra đường liên xã theo hướng xã Hòa Bình đi xã Mỹ Xuân, Tân Thành. Khi đến đoạn xã Hắc Dịch, Tân Thành thì N dừng xe, dùng tay tháo biển số xe (72F1-281.06) bỏ dưới ba ga xe rồi chạy ra Quốc lộ 51, sau đó rẽ vào ngã ba hướng Nhơn Trạch – TP Hồ Chí Minh. Trên đường chạy, N vào tiệm vàng K(địa chỉ tại số 188 đường T Đ T, ấp 3, xã HP, huyện N T, tỉnh Đ N do ông Đỗ Tuấn K làm chủ) bán đôi bông tai của bà N1 được 2.670.000 đồng. Khi đến đoạn qua xã P Đ, huyện N T, N vứt biển số xe 72F1-281.06 xuống ven đường. Sau đó, N chạy đến bến xe Miền Đông, Thành phố Hồ Chí Minh gửi xe mô tô vào điểm giữ xe rồi đi xe khách ra thị trấn Phù Mỹ, tỉnh Bình Định tìm Q để đòi tiền. Sáng 25/10/2016, N gặp Q đòi tiền nhưng Q chưa có tiền trả. Đến trưa cùng ngày, N đi xe khách về lại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sáng 26/10/2016, N đến bến xe Miền Đông lấy xe mô tô chạy đến địa chỉ 433/27 L Đ T, Phường 17, quận G V, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bắt giữ khẩn cấp. Cơ quan điều tra đã thu giữ được trên người N 19 viên đạn và một số tài sản mà N chiếm đoạt được.

Tại Kết luận Giám định Pháp y về tử thi số 316A/PC54-Đ4 ngày 21/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với nạn nhân Phạm Thúy N1, kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vùng cổ trước có nhiều rãnh hằn da mờ xen lẫn vết bầm máu da rải rác trên khoảng diện tích 14cm x 5cm. Bầm máu da chằm phải, không rõ hình dạng, kích thước 6cm x 4,5cm/trên nền sùng nề, kích thước 10cm x 8 cm/trên nền sùng nề. Bầm máu da vùng cổ sau dưới phải, không rõ hình dạng, kích thước 8 cm x 4

cm/trên nền sùng nề, kích thước 5,5cm x 5 cm/nền sùng nề. Tụ máu rải rác dưới da và trong cơ vùng cổ trước hai bên. Xuất huyết niêm mạc mặt trên 1/3 sau gốc lưỡi, xuất huyết niêm mạc thành sau họng. Hai phổi phù, sung huyết, mặt cắt nhu mô phổi ứ máu. Tim phù, sung huyết, xuất huyết chấm thượng tâm mạc.

2. Nguyên nhân chết:

Phạm Thúy N1 chết ngạt cơ học do bị bóp - xiết cổ, ở cơ thể bị chấn thương vùng đầu cổ.

3. Kết luận khác:

Vật gây nên chấn thương tụ máu dưới da đầu vùng cằm - cổ sau phải là vật tày tác động trực tiếp vào vùng đầu cổ cơ thể nạn nhân hướng từ sau ra trước” (Bút lục 90, 91).

Tại Kết luận Giám định Pháp y về tử thi số 316B/PC54-Đ4 ngày 21/11/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đối với nạn nhân Bùi Phạm Đức T, kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Vết vỡ da vùng giữa trán trên đường chân tóc, không rõ hình dạng, bờ bầm dập, kích thước 3,5 cm x 0,5 cm và 2,5 cm x 0,5 cm/trên nền sùng nề bầm máu, kích thước 8 cm x 6 cm. Bầm máu da toàn bộ vành tai – sau tai – cổ sau trái, kích thước 13 cm x 10 cm. Bầm máu da bờ ngoài vai trái, không rõ hình dạng, kích thước 7,5 cm x 4,5 cm. Bầm máu da ½ ngoài bả vai trái, không rõ hình dạng, kích thước 14 cm x 4,5 cm. Bầm máu kèm sùng nề mu bàn tay trái, không rõ hình dạng, kích thước 6 cm x 3 cm.

Tụ máu dưới da đầu giữa Trán, kích thước 5 cm x 3 cm. Tụ máu dưới da đầu giữa Trán – Thái dương – Đỉnh trái, kích thước 19 cm x 8 cm. Tụ máu trong cơ thái dương trái. Vỡ - nứt sọ Chẩm trái vào nền sọ giữa trái, kích thước 7 cm x 4 cm. Tụ máu dưới màng cứng toàn bộ hai bán cầu đại não và tiểu não. Não phù nặng. Chảy máu trong các khe não hai bán cầu đại não và tiểu não.

2. Nguyên nhân chết:

Bùi Phạm Đức T chết do chấn thương sọ não: Vỡ - nứt sọ, chảy máu não, phù não.

3. Kết luận khác:

Vật tác động gây nên các tổn thương trên cơ thể nạn nhân Bùi Phạm Đức T là vật tày - chắc - dài tác động gây ra: Tổn thương vùng trán chiều tác động từ trên xuống dưới, chệch từ trước ra sau; tổn thương vùng đỉnh - thái dương và chẩm trái chiều tác động từ sau ra trước, chệch từ trái qua phải; tổn thương vùng vai - bả vai trái chiều tác động từ sau ra trước.” (Bút lục số 92, 93).

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về số tài sản mà Châu Minh N chiếm đoạt tại nhà ông Bùi Xuân T2, kết luận:

“- Giá trị của 01 (một) điện thoại OPPO màu trắng, số imei 1: 868346029294335, số imei 2: 868346029294327 tại thời điểm tháng 10 năm 2016 là khoảng 1.633.000 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng).

- Giá trị của 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng, có chữ TD610X610 trong lòng nhẫn, có hạt màu hổ phách tại thời điểm tháng 10 năm 2016 là khoảng 1.673.000 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

- Giá trị của 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen, số khung: RLCS5C63CY661280, số máy: 5C63661326 tại thời điểm tháng 10 năm 2016 là khoảng 13.333.000 đồng (Mười ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

- Giá trị của 01 (một) bịch tổ yến tại thời điểm tháng 10 năm 2016 là khoảng 1.418.825 đồng (Một triệu bốn trăm mười tám ngàn tám trăm hai mươi lăm đồng).

- Giá trị của 01 (một) chai rượu màu đen hiệu ST-Ré my Vsop tại thời điểm tháng 10 năm 2016 là khoảng 260.000 đồng (hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Đối với tài sản là 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có dạng hình chiếc vòng: Do không thu hồi được tài sản, không có hồ sơ và hình ảnh kèm theo nên Hội đồng không có cơ sở thực hiện được việc đánh giá hiện trạng, giám định chất lượng và khảo sát giá trị của tài sản... Vì vậy, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự từ chối việc xác định giá trị tài sản là 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có dạng hình chiếc vòng theo Quyết định số 87/QĐ-PC45 ngày 01/11/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC45)” (Bút lục số 100 đến 118).

Tại Kết luận giám định số 3724/C54B ngày 09/12/2016 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh đối với 19 viên đạn thu giữ của Châu Minh N kết luận:

“ 5. Kết luận:

5.1 - 19 (mười chín) viên đạn chưa bắn gửi giám định (nêu Mục 2) là loại đạn quân dụng cỡ 11,43mm x 22,5mm. Đạn thường được dùng để bắn cho súng ngắn Colt 45 cỡ nòng 11,43mm.

5.2 - 19 (mười chín) viên đạn chưa bắn gửi giám định không có cơ sở giám định so sánh với các đầu đạn, vỏ đạn đã bắn của các vụ án hiện lưu tại Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.” (bút lục số 94).

Quá trình điều tra, Châu Minh N đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, chỉ dẫn Cơ quan điều tra đến các địa điểm để thu giữ vật chứng là công cụ, phương tiện dùng để gây án và tài sản đã chiếm đoạt, tiêu thụ. Cơ quan điều tra đã tiến hành thực nghiệm điều tra, dựng lại hiện trường, cho Châu Minh N nhận dạng nạn nhân và thực hiện lại toàn bộ hành vi. Kết quả, Châu Minh N đã nhận dạng đúng nạn nhân, diễn tả đầy đủ và chính xác hành vi chuẩn bị công cụ phương tiện, hành vi giết anh T và bà N1 để chiếm đoạt tài sản tại nhà ông Bùi Xuân T2, hoàn toàn phù hợp với diễn biến của nội dung sự việc và các tài liệu khám nghiệm hiện trường, giám định tử thi và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ (Bút lục từ số 80 đến 93, từ 95 đến 99, từ 263 đến 293, từ 298 đến 380).

Vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ từ bị cáo Châu Minh N những tài sản chiếm đoạt được từ nhà ông Bùi Xuân T2 gồm: 01 (một) điện thoại OPPO màu trắng, số imei 1: 868346029294335, số imei 2: 868346029294327; 01 (một) nhẫn vàng, có chữ TD610X610 trong lòng nhẫn, có hạt màu hổ phách; 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius màu đỏ - đen, số khung: RLCS5C63CY661280, số máy: 5C63661326; 01 (một) bịch tổ yến; 01 (một) chai rượu màu đen hiệu ST-Ré My Vsop. Xét những tài sản trên thuộc sở hữu của gia đình ông T2 nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 04/PC45 ngày 12/01/2017 trả lại cho ông T2 theo quy định (Bút lục số 31, 76).

Cơ quan điều tra cũng lập biên bản tạm giữ tại nhà ông T2 nhiều đồ vật, vật dụng sinh hoạt (điện thoại, chùm chìa khóa, bơm xe, xà beng, khoan, kéo, bình gas mini...) để phục vụ điều tra. Do những đồ vật này không phải là vật chứng nên cơ quan điều tra đã lập biên bản trả lại cho ông T2 (Bút lục 74).

- Đối với vật chứng là tài liệu, đồ vật, công cụ phương tiện gây án hay có liên quan đến vụ án thu giữ trong quá trình điều tra theo Bảng thống kê vật chứng kèm theo Bản Kết luận điều tra (Bút lục số 41 đến 79, số 382 đến 387) đã được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quản lý theo quy định.

- Cơ quan điều tra đã truy tìm đôi vòng đeo tai N khai tiêu thụ tại tiệm vàng Knhung không tìm thấy để thu giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Bùi Xuân T2 đại diện bị hại có yêu cầu bị cáo Châu Minh N phải bồi T2 chi phí ma chay cho anh Bùi Phạm Đức T và bà Phạm Thúy N1 với số tiền tổng cộng là 353.520.000 đồng (ba trăm năm mươi ba triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng). Bị cáo Châu Minh N và gia đình chưa bồi T2 (Bút lục số 228 đến 241B). Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

Với hành vi nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 12/4/2017 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 11/2017/TB-TA ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Châu Minh N phạm tội "Giết người" và "Cướp tài sản".

Áp dụng điểm a, e, n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm e, h, m Điều 48; Điều 50; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: Châu Minh N Tử hình về tội "Giết người" và 06 (sáu) năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội buộc Châu Minh N phải chịu là Tử hình, tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu còn quyết định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/4/2017, bị cáo Châu Minh N có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Châu Minh N vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Về tố tụng vụ án thì cấp phúc thẩm đảm bảo về mặt tố tụng. Về nội dung thì bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát và khung hình phạt mà Tòa cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Châu Minh N. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo đã thật thà khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, hợp tác với cơ quan điều tra để kết thúc vụ án, bị cáo là dân lao động nghèo, có nhân thân tốt lần đầu phạm tội, hoàn cảnh kinh tế gia đình hết sức khó khăn nên không có tài sản để khắc phục hậu quả, cha bị cáo là quân nhân xuất ngũ, nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế, Hội đồng xét xử xem xét có hình phạt thích hợp, tạo điều kiện cho bị cáo một cơ hội để khắc phục sai lầm, bị cáo có thể cải tạo được.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định pháp y và các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ. Hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nghiêm trọng, có tính chất côn đồ, coi thường tính mạng người khác, giết hai người và giết người mà liền sau đó lại phạm tội rất nghiêm trọng khác là tội cướp tài sản và đánh giá tình hình chung của địa phương hiện nay thì tội phạm giết người đang gia tăng, gây mất trật tự địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mới. Tòa sơ thẩm xử phạt bị cáo, tổng hợp chung tử hình là đúng với tính chất mức độ hành vi phạm phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, cha mẹ và thành viên gia đình bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt để bị cáo sớm về đoàn tụ gia đình và nuôi cha mẹ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Châu Minh N đã thừa nhận cái chết của anh Bùi Phạm Đức T và bà Phạm Thúy N1 là do bị cáo gây ra vào ngày 24/10/2016. Do cần tiền để trả nợ nên Châu Minh N nảy sinh ý định trộm cắp tài

sản tại nhà ông Bùi Xuân T2 ở ấp T T, xã Q T, huyện C (là nơi trước đó N đã từng thi công sân bóng N tạo cho ông T2). Từ ngày 20 đến 23/10/2016, N đã đến nhà, gặp ông T2 để quan sát địa hình và đến chiều ngày 24/10/2016, N đi một mình vào nhà ông T2 để trộm tài sản. Trong quá trình thực hiện ý định trộm tài sản, N đã thực hiện hành vi giết hai người là anh Bùi Phạm Đức T (con ông T2) và bà Phạm Thúy N1 (vợ ông T2) để cướp tài sản như sau:

Về hành vi giết anh Bùi Phạm Đức T:

Khi đến nhà ông T2, đang lục tìm tài sản thì N phát hiện anh Bùi Phạm Đức T đi từ trên lầu xuống, N đã dùng ống tuýp sắt tròn có kích thước dài 65 cm, đường kính 3,2 cm, dày 0,2 cm bất ngờ đập mạnh 1 cái vào gáy anh T. Anh T ngã ngối xuống nền nhà quay đầu qua trái nhìn lại thấy N. N tiếp tục dùng ống tuýp đập liên tiếp 3 - 4 cái vào đầu anh T. Khi thấy đầu anh T chảy máu, người nằm yên không la nữa, N cầm hai chân anh T kéo vào phòng kho ở gần đó. Khi thấy anh T kêu “A, đau...”, N tiếp tục dùng ống tuýp sắt đánh 03 cái vào phía sau vùng đầu anh T. Thấy tay, chân anh T vẫn còn cử động, N dùng hai sợi dây điện loại dây đôi trong phòng kho buộc chéo hai tay anh T về phía trước, buộc hai chân của anh T và chờ đến khi anh T chết hẳn mới dừng lại.

Về hành vi giết bà Phạm Thúy N1:

Sau khi giết anh T, N tiếp tục lên lầu lục tìm tài sản. Khi phát hiện bà N1 đi vào nhà và lên lầu, Châu Minh N đi theo bất ngờ dùng ống tuýp sắt đập mạnh 01 cái vào sau gáy của bà N1 từ phía sau. Khi bà N1 ngã khụy người về phía trước thì N tiếp tục cầm ống tuýp đập liên tiếp 02 cái phía sau đầu khiến bà N1 ngã úp mặt xuống nền nhà. Khi thấy bà N1 không còn cử động, N cầm hai chân của bà N1 kéo vào phòng ngủ đặt bà N1 nằm ngửa trên giường. Nghĩ bà N1 chưa chết nên N lấy 01 ruột gối dùng hai tay đè mạnh ruột gối vào mặt bà N1 khoảng 05 phút nhưng vẫn còn nghe tiếng bà N1 thở. N tiếp tục lấy 03 sợi dây điện loại dùng để sạc điện thoại ở trong phòng trùm vào cổ bà N1 từ sau ra trước, quỳ gối ngang vai bà N1 xiết mạnh khoảng 05 phút cho đến khi bà N1 chết hẳn N mới dừng lại.

Sau khi giết anh T và bà N1 xong, N đã lục soát, chiếm đoạt của gia đình ông T2 số tài sản gồm: 160.000 đồng tiền mặt, 01 điện thoại di động hiệu Oppo-Neo 7, một nhẫn vàng 18k có gắn hạt màu hồ phách, 01 mô tô hiệu Sirius, 01 xích tay, 01 chai rượu ST- RéMy-VSOP. Qua định giá của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số tài sản trên có tổng trị giá 18.477.825 đồng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận giám định pháp y và các tài liệu khác đã có trong hồ sơ. Nguyên nhân dẫn đến cái chết của bà N1, anh T qua giám định pháp y như sau: Phạm Thúy N1 chết ngạt cơ học do bị bóp - xiết cổ, ở cơ thể bị chấn thương vùng đầu cổ; Bùi Phạm Đức T chết do chấn thương sọ não: Võ - nứt sọ, chảy máu não, phù não.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và đề nghị của luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo tử hình về tội “Giết người” và 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp tài sản”,

tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội buộc Châu Minh N phải chịu là Tử hình là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Hành vi của bị cáo cần phải có một mức án thật nghiêm để trừng trị bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Hội đồng xét xử thấy rằng đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ y án sơ thẩm là phù hợp với thực tế khách quan vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt với bị cáo Châu Minh N đã áp dụng khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 là chưa chính xác, phải áp dụng khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 vì Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực nên Tòa án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại điều luật áp dụng cho phù hợp.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 2, Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Châu Minh N .

Y án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a, e, n khoản 1 Điều 93; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm e, h, m Điều 48; Điều 50; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt: **Châu Minh N Tử hình** về tội “**Giết người**” và **06 (sáu) năm tù** về tội “**Cướp tài sản**”. Tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội buộc Châu Minh N phải chịu là **Tử hình**, tiếp tục giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Các nội dung khác trong quyết định bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Châu Minh N chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án (26/7/2017), người bị kết án **Châu Minh N** được gửi đơn lên Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án Tử hình.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Công an tỉnh BR-VT;
- Trại tạm giam Công an tỉnh
BR-VT (2); T/đ bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP, 14b.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương